

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2021

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST - HNGĐ ngày 11/01/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT: Thôn NS, xã TN, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn NT, xã TN, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Chị N vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn NS, xã TN, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021, bản tự khai ngày 19/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm, đầu năm 2020 do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, vợ chồng không có con cái, nên không sống chung cùng nhau nữa. Từ tháng 10 năm 2020 chị N về bên ngoại ở, vợ chồng không quan tâm liên lạc gì với nhau từ đó; Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về T sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2021 bị đơn là anh Nguyễn T trình bày: Về hôn nhân anh Nguyễn T và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Nguyên; trong cuộc sống vợ chồng bình thường, đầu năm 2020 chị N đã 01 lần xin ly hôn, sau đó vợ chồng quay về chung sống. Từ tháng 10 năm 2020 vợ chồng ly thân, nay chị N xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn với chị N vì tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung vợ chồng không có con chung; Về T sản anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị N và anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng chỉ ở chung với nhau khoảng 02 năm, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị N trình bày là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có con chung nên thường xảy ra cãi vã, hai bên đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 mỗi người một nơi; Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều không có mặt, chị N và anh T đều mong muốn ly hôn; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét

[4]. Về T sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn T.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007381 ngày 11/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt